TÒA ÁN NHÂN DÂN **NGHĨA VIỆT NAM** **HUYỆN BẢO LÂM** **Tự do - Hạnh phúc** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ** **Độc lập -**
Số: 09/2024/QĐST-HNGĐ	*Bảo Lâm, ngày 08 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn anh Dương Văn T, sinh ngày 20/01/1997

Nơi cư trú: xóm Chè P, thị trấn Pác M, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng.

2. Bị đơn chị Hứa Thị X, sinh ngày 08/01/1995.

Nơi cư trú: xóm Khau H, xã Yên T, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: xóm Chè P, thị trấn Pác M, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Dương Văn T và chị Hứa Thị X.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: anh Dương Văn T và chị Hứa Thị X tự nguyện thuận tình ly hôn, chấm dứt quan hệ hôn nhân.

2.2 Về Con chung: Trong thời gian hôn nhân anh T và chị X có 01 người con có tên gọi như sau: Dương Hải Đ, sinh ngày 14/7/2015.

Khi ly hôn, anh T và chị X thỏa thuận, thống nhất, để anh Dương Văn T trực tiếp được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; chị X thực hiện việc cấp

dưỡng nuôi con hằng tháng với số tiền là 1.000.000 đồng /01 tháng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi tròn, tính từ ngày 01/4/2024.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.3. *Về tài sản chung:* Các đương sự tự thỏa thuận về phần tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Nghĩa vụ chung của vợ chồng đối với tài sản: Trong thời gian hôn nhân anh T và chị X không có tài sản cho vay và không nợ ai, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.5. *Về án phí:* Áp dụng khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, điểm b, khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Anh Dương Văn T và chị Hứa Thị X mỗi người chịu số tiền 75.000 đồng, án phí dân sự Hôn nhân gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, anh T đã tự nguyện nộp thay án phí cho chị X số tiền 75.000 đồng, Anh Dương Văn T được hoàn lại số tiền 150.000 đồng, (bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp *(Xác nhận anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai số: 0003562 ngày 13/3/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng)*.

Chị Hứa Thị X phải chịu 150.000 đồng, (bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự đã nộp đủ số tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND TT Pác Miầu;
- UBND xã Yên T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nông Đức Thọ